

## HƯỚNG DẪN

### **Quy trình thu thập, tổng hợp và tính toán Tiêu chí về Thu nhập bình quân đầu người áp dụng đối với Thôn nông thôn mới và Thôn nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025**

Thực hiện Văn bản số 06/BCĐ-VPĐP ngày 09/9/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc “Công bố các chỉ tiêu về Hợp tác xã và Khu công nghiệp và ban hành quy trình thu thập, tổng hợp và tính toán tiêu chí về thu nhập thuộc Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025”;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Bộ tiêu chí Thôn nông thôn mới và Bộ tiêu chí Thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

Cục Thống kê hướng dẫn Quy trình thu thập, tổng hợp và tính toán Tiêu chí về Thu nhập bình quân đầu người/năm đối với Thôn nông thôn mới và Thôn nông thôn mới kiểu mẫu với nội dung như sau:

#### **1. Yêu cầu chung**

Việc thu thập, tổng hợp và tính toán thu nhập bình quân đầu người/năm trong Bộ tiêu chí về thôn nông thôn mới và Bộ tiêu chí về thôn nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 cần đáp ứng các yêu cầu:

- Thực hiện theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ được ngành thống kê quy định thống nhất và đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện;
- Thu thập, tổng hợp và công bố tiêu chí về thu nhập đảm bảo độ tin cậy, phản ánh xác thực thu nhập của nhân khẩu thực tế thường trú trên địa bàn thôn;
- Kết quả tính toán và tổng hợp tiêu chí về thu nhập không xung đột với các kết quả khác do ngành Thống kê thực hiện và công bố.

#### **2. Các khái niệm**

##### **2.1. Thu nhập bình quân đầu người/năm trên địa bàn thôn**

Thu nhập bình quân đầu người/năm trên địa bàn thôn được tính bằng tổng thu nhập của toàn bộ các hộ trên địa bàn thôn chia cho tổng số nhân khẩu thực tế thường trú trên địa bàn thôn trong năm báo cáo.

*Công thức:*

$$\frac{\text{Thu nhập bình quân đầu người/năm trên địa bàn thôn}}{\text{Tổng thu nhập của các hộ mẫu trên địa bàn thôn trong năm}} = \frac{\text{Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú các hộ mẫu của thôn trong năm}}{\text{Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú các hộ mẫu của thôn trong năm}}$$

## 2.2. Thu nhập của hộ

Thu nhập của hộ là toàn bộ các khoản thu nhập mà các thành viên của hộ nhận được trong năm báo cáo, bao gồm:

(1) Thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ sản xuất kinh doanh, bao gồm:

- Thu nhập từ tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất như tiền lương, tiền công (phụ cấp, thưởng,...);
- Lương hưu và trợ cấp thất nghiệp, thôi việc một lần;
- Thu nhập từ sản xuất kinh doanh: thu nhập từ hoạt động nông, lâm, thủy sản và hoạt động phi nông, lâm, thủy sản; lợi nhuận từ làm chủ hoặc tham gia làm chủ doanh nghiệp/HTX/Cơ sở kinh doanh cá thể.

(2) Thu nhập khác, bao gồm:

- Thu nhập từ sở hữu tài sản, đầu tư tài chính, bao gồm: thu nhập từ cho thuê nhà cửa/đất đai/tài sản, lãi gửi tiết kiệm, cổ tức;
- Thu nhập từ chuyển nhượng, bao gồm: thu nhập từ các khoản trợ cấp, từ kiều hối, từ quà cho/biếu/tặng, ...
- Thu nhập khác: các khoản thu nhập làm tăng thu nhập chưa kể trên như trúng xổ số, vui chơi có thưởng.

**Lưu ý:** các khoản thu không được tính vào thu nhập gồm: tiền rút tiết kiệm, thu nợ, bán tài sản (nhà, đất, tài sản khác,...), khoản vay nợ, tạm ứng và các khoản chuyển nhượng vốn do liên doanh, liên kết trong sản xuất, kinh doanh, bồi thường đất do giải tỏa.

## 2.3. Hộ

Hộ bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai.

Chủ hộ là một thành viên trong hộ, am hiểu thông tin của các thành viên khác, được các thành viên khác thừa nhận. Chủ hộ có thể trùng hoặc không trùng với chủ hộ được ghi trong sổ hộ khẩu do ngành Công an cấp.

## 2.4. Nhân khẩu thực tế thường trú

Nhân khẩu thực tế thường trú (viết gọn là NKTTTT) là những người thực tế thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm điều tra đã được từ 06 tháng trở lên và những người mới chuyển đến dưới 06 tháng nhưng xác định sẽ ăn, ở ổn định tại hộ, trẻ em mới sinh trước thời điểm điều tra và những người tạm vắng, không phân biệt họ có hay không có hộ khẩu thường trú (quy định thống nhất theo Tổng Điều

tra Dân số và Nhà ở 2019). Những trường hợp sau đây được xác định là NKTTTT tại hộ:

(1) Những người thực tế thường xuyên ăn, ở tại hộ từ 06 tháng trở lên tính đến thời điểm điều tra, không phân biệt họ có hay không có hộ khẩu thường trú; những người tuy đã có giấy tờ di chuyển (giấy gọi nhập ngũ, giấy chiêu sinh, quyết định tuyển dụng, chuyển chuyên công tác,...) nhưng đến thời điểm điều tra họ vẫn chưa rời khỏi hộ để đến nơi ở mới.

(2) Những người mới đến hộ chưa được 06 tháng nhưng xác định sẽ ăn, ở ổn định như trẻ em mới sinh, những người đã rời hẳn nơi ở cũ đến ở ổn định tại hộ.

(3) Những người lâu nay vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng tại thời điểm điều tra họ tạm vắng như người đi nghỉ hè, nghỉ lễ, đi công tác, đi du lịch, dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, đi chữa bệnh, v.v...; người đang bị tạm giữ; người rời gia đình đi làm ăn ở nơi khác tính đến thời điểm điều tra chưa đủ 6 tháng.

### **3. Phạm vi khảo sát, thời gian và thời kỳ thu thập thông tin**

- Phạm vi khảo sát: Khảo sát thu thập thông tin trên địa bàn thôn để tính toán kết quả tiêu chí về thu nhập trong Bộ tiêu chí về thôn nông thôn mới và Bộ tiêu chí về thôn nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025.

- Thời gian thu thập thông tin: Từ ngày 01 tháng 7 đến hết ngày 20 tháng 7 năm báo cáo.

- Thời kỳ thu thập thông tin: Thông tin được thu thập trong thời kỳ 12 tháng qua kể từ thời điểm thu thập (điều tra).

### **4. Phương pháp và nội dung thu thập thông tin**

Khảo sát được tiến hành điều tra chọn mẫu và áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp.

Trường hợp địa phương đảm bảo được nguồn ngân sách để tiến hành thu thập thông tin của toàn bộ các hộ trên địa bàn thôn thì sẽ không thực hiện các nội dung liên quan đến chọn mẫu, tính và tổng hợp thông tin mẫu ở các biểu trong Phụ lục. Các nội dung thu thập và biểu mẫu còn lại thực hiện như hướng dẫn.

#### **4.1. Chọn mẫu**

- **Lập bảng kê các hộ và NKTTTT của thôn:** lập danh sách các hộ của thôn lần lượt theo thứ tự từ đầu thôn đến cuối thôn trước thời điểm thu thập thông tin theo biểu mẫu (Biểu số: 01.BKT/NTM, Phần 1A của Phụ lục 1).

- **Xác định cỡ mẫu cho thôn:** Mẫu khảo sát cần đảm bảo tính đại diện cho thôn và đáp ứng tỷ lệ tối thiểu theo công thức xác định cỡ mẫu tối thiểu khi biết quy mô tổng thể (số lượng hộ theo bảng kê).

Công thức:

$$n = \frac{N}{1 + N * e^2}$$

*Trong đó:* n là số hộ chọn mẫu

N là tổng số hộ trên địa bàn xã

e: sai số cho phép, thường có ba tỷ lệ sai số hay sử dụng là 1%, 5% và 10%,

Thông nhất sử dụng khoảng tin cậy 90% ( $e=0,1$ )

**Ví dụ:** Xác định cỡ mẫu khảo sát của thôn A có quy mô 250 hộ như sau:

Áp dụng công thức trên với  $N=250$  và  $e=0,1$  thì kết quả tính được cỡ mẫu của thôn A như sau:

$$n = \frac{250}{1 + 250 * 0,1^2} = 71,4$$

- **Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống:** Mẫu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống để đảm bảo tính đại diện của chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn thôn. Các bước chọn mẫu như sau:

+ **Bước 1: Xác định khoảng cách (k) chọn mẫu** cho thôn với  $k=N/n$ , trong đó:  $N$  là tổng số hộ của thôn và  $n$  là số hộ được chọn mẫu của thôn được xác định ở trên. Để tránh mẫu được chọn nhiều ở các hộ trên đầu danh sách, thống nhất quy định khoảng cách  $k$  được làm tròn xuống.

Ví dụ: Thôn A có 250 hộ thường trú trong đó 71 hộ được chọn, khoảng cách  $k=(250/71)=3,52$  hộ và được làm tròn thành 3.

+ **Bước 2: Xác định đơn vị chọn mẫu đầu tiên** (hộ được chọn đầu tiên) bằng phương pháp chọn ngẫu nhiên 1 số trong các số từ 1-k; trong đó  $k$  là khoảng cách chọn mẫu.

Ví dụ: Thôn A xác định được khoảng cách chọn mẫu  $k$  bằng 3, vậy hộ ngẫu nhiên được chọn đầu tiên ở số thứ tự từ 1 đến 3 trong danh sách bảng kê; giả sử chọn số ngẫu nhiên là 2 thì hộ được chọn đầu tiên vào mẫu là hộ có số thứ tự là 2 trong bảng kê danh sách hộ trên địa bàn thôn A.

+ **Bước 3: Chọn mẫu lần lượt các hộ theo thứ tự:** hộ thứ nhất có số thứ tự (i) trong bảng kê được chọn đầu tiên; hộ thứ 2 là  $i+k$ ; hộ thứ 3 là  $i+2*k$  cho đến hộ cuối cùng là  $n$  có số thứ tự là  $i+(n-1)*k$ .

Ví dụ: Thôn A có 250 hộ thường trú, số hộ mẫu là 71, khoảng cách chọn là 3, hộ được chọn đầu tiên là hộ số 2, vậy hộ thứ hai có số thứ tự là  $(2+3)=5$ , hộ thứ ba có số thứ tự là  $(2+2*3)=8$  và hộ thứ 71 được chọn vào mẫu có số thứ tự là  $(2+71*3)=215$ .

**Chọn hộ dự phòng:** Ngoài các hộ được chọn kể trên, để ứng phó với trường hợp các hộ trong danh sách mẫu bị từ chối hoặc không thu thập được do nhiều lý do, khi chọn mẫu lập thêm danh sách hộ dự phòng 10% mẫu được chọn.

Trong ví dụ trên Thôn A được chọn 71 hộ, vậy số hộ dự phòng là 7 hộ, các hộ dự phòng được chọn đồng thời khi thực hiện chọn hộ mẫu chính thức và chọn nối tiếp vào danh sách.

Danh sách hộ mẫu của từng thôn tổng hợp theo Biểu số: 02.HMT/NTM, Phần 1A của Phụ lục 1.

#### 4.2. Nội dung, phiếu thu thập thông tin

Nội dung thông tin thu thập bao gồm NKTTTT và thu nhập của hộ. Thông tin về thu nhập bao gồm:

- Mục 1. Thu nhập từ tiền lương, tiền công;
- Mục 2. Thu nhập từ trồng trọt;
- Mục 3. Thu nhập từ chăn nuôi;

- Mục 4. Thu nhập từ lâm nghiệp;
- Mục 5. Thu nhập từ thủy sản;
- Mục 6. Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ phi nông, lâm nghiệp, thủy sản; chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản;
- Mục 7. Thu nhập khác.

Nội dung phiếu thu thập thông tin và hướng dẫn, chi tiết tại Phần 1B của Phụ lục 1.

### **5. Tổng hợp và tính thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn thôn/bản và báo cáo kết quả**

Tổng hợp tổng thu nhập của hộ mẫu của thôn/bản (Biểu số: 01.T/NTM, Phần 1C của Phụ lục 1).

Thu nhập bình quân đầu người/năm trên địa bàn thôn/bản được tính bằng cách cộng tổng thu nhập của toàn bộ các hộ mẫu trong thôn/bản chia cho tổng số NKTTTT các hộ mẫu của thôn.

Báo cáo kết quả và mẫu biểu theo quy định tại Phần 1C của Phụ lục 1 về Cơ quan đầu mối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cấp huyện, thời gian chậm nhất vào ngày 31 tháng 7 năm báo cáo.

### **6. Kiểm tra, xác nhận tính chính xác của số liệu thu thập, tổng hợp**

Nội dung xác nhận tính chính xác của số liệu thu thập và tổng hợp bao gồm kiểm tra, rà soát toàn bộ thông tin và biểu mẫu báo cáo quy định tại Phần 1A, 1B và 1C của Phụ lục 1 kèm theo. Trình tự kiểm tra theo các bước sau:

**Bước 1:** Kiểm tra quy trình xác định số lượng mẫu của thôn/bản. Căn cứ vào các Biểu số 01, 02 ở Phần 1A và công thức xác định cỡ mẫu ở Mục 4.1 của Phụ lục 1.

**Bước 2:** Kiểm tra danh sách hộ mẫu của thôn ở Biểu số: 02.HMT/NTM Phần 1A của Phụ lục 1. Căn cứ vào khoảng cách k được xác định tại Bước 1, Mục 4.1 và Bảng kê hộ của thôn/bản (Biểu số: 01.BKT/NTM tại Phần 1A của Phụ lục 1).

**Bước 3.** Kiểm tra số liệu thu thập theo Phần 1B của Phụ lục 1 (lấy ngẫu nhiên từ 5% đến 10% Phiếu thu thập thông tin) với các nội dung sau:

(1) Số liệu thu thập đầy đủ bao gồm đầy đủ cả về thông tin người thu thập và nội dung các thông tin ở từng mục;

(2) Thông tin thu thập theo đúng hướng dẫn trong Phần 1B của Phụ lục 1, đầy đủ về nội dung và đảm bảo tính logic giữa các thông tin;

(3) Thông tin được xử lý (nhập tin) cẩn thận phục vụ cho tính toán và suy rộng cho thôn/bản.

**Bước 4.** Kiểm tra kết quả tính thu nhập bình quân đầu người của hộ mẫu và kết quả suy rộng cho thôn ở các biểu quy định tại Phần 1C của Phụ lục 1, nội dung kiểm tra gồm:

(1) Tính đầy đủ của các chỉ tiêu và xác nhận của các bên liên quan ở từng biểu đảm bảo tính pháp lý;

(2) Rà soát thông tin về chủ hộ và số NKTTTT ở Biểu số: 01.T/NTM của Phần 1C với thông tin ở Biểu số: 02.HMT/NTM Phần 1A của Phụ lục 1;

(3) Thông tin biểu tại Phần 1C của Phụ lục 1 được tổng hợp đúng từ kết quả thu thập; kết quả tính toán chính xác và kết quả suy rộng đúng quy định.

Sau khi kiểm tra, rà soát các nội dung theo các bước trên, nếu kết quả đảm bảo đầy đủ các yêu cầu quy định từ bước 1 đến bước 4 thì Chi cục Thống kê cấp huyện, thành phố, khu vực ban hành văn bản công nhận kết quả và gửi Văn phòng điều phối Nông thôn mới cấp huyện, đồng thời gửi Cục Thống kê (Phòng Thống kê Xã hội). Thời gian trước ngày 20 tháng 8 năm báo cáo.

### **7. Tổ chức thực hiện**

- Cấp huyện: Chi cục Thống kê cấp huyện phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan của huyện/thành phố thực hiện chọn mẫu các hộ gia đình của xã cụ thể là thôn khảo sát thu thập thông tin; hướng dẫn, hỗ trợ UBND xã tổ chức thu thập, tính toán và báo cáo theo biểu mẫu quy định. Đồng thời giám sát, kiểm tra toàn bộ quá trình thu thập thông tin trên địa bàn và ban hành văn bản công nhận kết quả.

- Cấp xã: Chủ tịch UBND xã chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thu thập, tổng hợp và báo cáo theo đúng các biểu mẫu quy định.

### **8. Biểu mẫu và Phiếu thu thập thông tin kèm theo**

Phần 1A. Biểu mẫu về danh sách hộ.

Phần 1B. Phiếu thu thập thông tin.

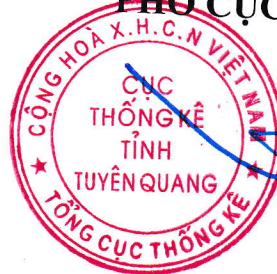
Phần 1C. Biểu tổng hợp kết quả.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các UBND xã phản ánh về Chi cục Thống kê huyện, thành phố, khu vực hoặc Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang (qua phòng Thống kê Xã hội) để được giải đáp và hướng dẫn./.

#### **Nơi nhận:**

- VPĐP Nông thôn mới (báo cáo);
- Cục trưởng;
- Các PCT;
- Các CCTK huyện, thành phố, khu vực;
- Lưu: VT, TKXH.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Lê Thị Thu Nga**